TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 964/2018/HN-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v: tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI - TP. HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Bé
2. Bà Phạm Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hùng Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi: không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai và tuyên án ngày 30/7/2018 vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 1457/2017/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2017 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 158/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2018, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1988 (có mặt);

Địa chỉ: 14/2 đường L, tổ 5, ấp X, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: tổ 2, khu phố Phước Hải, Tân uyên, tỉnh Bình Dương;

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: 14/2 đường L, tổ 5, ấp X, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 11 năm 2017, bản tự khai và các các biên bản nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên trình bày: bà và ông L có quá trình tìm hiểu nhau 02 năm, tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn số: 51/CNKH, quyển số: 01/2006 ngày 29/5/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau kết hôn, vợ chồng sống ở nhà bên chồng (xã T, huyện Củ

Chi) cho đến năm 2010 bà L chuyển ra nhà trọ sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến 2010 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân chính là do ông L thường xuyên uống rượu, đánh bà nhiều lần, nghi ngờ về tiền bạc, ghen, xúc phạm gia đình bà, ly thân từ 25/5/2010 cho đến nay; tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên bà L kiên quyết ly hôn ông L để trả tự do cho nhau.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Văn S , sinh ngày 07/5/2006, hiện trẻ đang do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung. Bà đang làm công nhân có thu nhập, có đủ điều kiện để nuôi con chung.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ ý kiến yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có đăng ký thường trú ở Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; các Điều: 264, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên.

Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn L có quá trình tìm hiểu nhau 02 năm, tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2006, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn số: 51/CNKH, quyển số: 01/2006 ngày 29/5/2006 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau kết hôn, vợ chồng sống ở nhà bên chồng (xã T, huyện Củ Chi) cho đến năm 2010 bà Liên chuyển ra nhà trọ sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến 2010 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nguyên nhân chính là do ông L thường xuyên uống rượu, đánh bà nhiều lần, nghi ngờ về tiền bạc, ghen, xúc phạm gia đình bà, ly thân từ 25/5/2010 cho đến nay; tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống vợ chồng nên bà L kiên quyết ly hôn ông

L để trả tự do cho nhau; xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần thiết giải phóng hai bên khỏi cuộc hôn nhân này nên việc bà L yêu cầu ly hôn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: có 01 con chung tên Lê Văn S , sinh ngày 07/5/2006, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung, tự nguyện không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung là thật sự tự nguyện không trái Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014, phù hợp hiện thực cuộc sống của trẻ nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; các Điều: 264, 266, 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, các Điều: 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị L . Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Lê Văn L .

Giấy chứng nhận kết hôn số: 51/CNKH, quyển số: 01/2006 ngày 29/5/2006 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Long và bà Liên không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.Về con chung: giao bà Bà Nguyễn Thị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Văn S , sinh ngày 07/5/2006; ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông Long cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông L có quyền nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị L phải chịu, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0007927 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi; bà Liên đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Long có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Củ Chi;
- Chi cục THADS H.Củ Chi;
- Cơ quan cấp GCNKH;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Văn Dũng